| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM YÊN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **57**/2023/QĐST - DS | *Hàm Yên, ngày 21 tháng 6 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST - DS, ngày 12 tháng 4 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1979.

2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả tiền, thời hạn và phương thức thanh toán: Ông Lê Văn B và bà Lê Thị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền nợ là 229.000.000.000đ (*Hai trăm hai mươi chín triệu đồng*). Trong đó chia ra: Ông Lê Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 114.500.000đ (*Một trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 114.500.000đ (*Một trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Phương thức trả nợ chia thành nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 30/6/2024 ông Lê Văn B, bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Trong đó ông Lê

Văn B có nghĩa vụ trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 30/6/2025 ông Lê Văn B, bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Trong đó ông Lê Văn B có nghĩa vụ trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Ngày 31/12/2025 ông Lê Văn B, bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ còn lại là 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*). Trong đó ông Lê Văn B có nghĩa vụ trả 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*; bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

*Khoản tiền phải trả kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị M nếu ông Lê Văn B và bà Lê Thị Y chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.862.500đ (*Hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.560.000đ (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006560, ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà Nguyễn Thị M được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 4.697.500đ (*Bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Bị đơn ông Lê Văn B phải chịu 1.431.000đđ (*Một triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà Lê Thị Y phải chịu 1.431.000đ (*Một triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lương Hữu San**